

CHÍNH PHỦ
Số: 62/1998/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 1998

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Ban hành Quy chế đầu tư theo Hợp đồng xây dựng kinh doanh chuyển giao, Hợp đồng xây dựng chuyển giao kinh doanh và Hợp đồng xây dựng chuyển giao áp dụng cho đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 12 tháng 11 năm 1996;
Nhằm khuyến khích đầu tư xây dựng, phát triển các công trình kết cấu hạ tầng tại Việt Nam;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,*

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế đầu tư theo Hợp đồng xây dựng kinh doanh chuyển giao, Hợp đồng xây dựng chuyển giao kinh doanh và Hợp đồng xây dựng chuyển giao áp dụng cho đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Nghị định số 87/CP ngày 23 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ ban hành Quy chế đầu tư theo hình thức Hợp đồng xây dựng kinh doanh chuyển giao.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

QUY CHẾ

**ĐẦU TƯ THEO HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG KINH DOANH CHUYỂN GIAO,
HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG CHUYỂN GIAO KINH DOANH VÀ HỢP ĐỒNG XÂY
DỰNG**

CHUYỂN GIAO ÁP DỤNG CHO ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 62/1998/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 1998 của Chính phủ
)*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Hợp đồng xây dựng kinh doanh chuyển giao" (viết tắt theo tiếng Anh là BOT) là văn bản ký kết giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và Nhà đầu tư nước ngoài để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng (kể cả mở rộng, nâng cấp, hiện đại hóa công trình) và kinh doanh trong một thời hạn nhất định để thu hồi vốn đầu tư và có lợi nhuận hợp lý; hết thời hạn kinh doanh Nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn công trình đó cho Nhà nước Việt Nam.
2. "Hợp đồng xây dựng chuyển giao kinh doanh" (viết tắt theo tiếng Anh là BTO) là văn bản ký kết giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và Nhà đầu tư nước ngoài để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng (kể cả mở rộng, nâng cấp, hiện đại hóa công trình); sau khi xây dựng xong, Nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao công trình đó cho Nhà nước Việt Nam, Chính phủ Việt Nam dành cho Nhà đầu tư nước ngoài quyền kinh doanh công trình đó trong một thời hạn nhất định để thu hồi vốn đầu tư và có lợi nhuận hợp lý.
3. "Hợp đồng xây dựng chuyển giao" (viết tắt theo tiếng Anh là BT) là văn bản ký kết giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và Nhà đầu tư nước ngoài để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng (kể cả mở rộng, nâng cấp, hiện đại hóa công trình); sau khi xây dựng xong, Nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao công trình đó cho Nhà nước Việt Nam, Chính phủ Việt Nam tạo điều kiện cho Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện dự án khác để thu hồi vốn đầu tư và có lợi nhuận hợp lý.

4. "Doanh nghiệp BOT", "Doanh nghiệp BTO", "Doanh nghiệp BT" (sau đây gọi là Doanh nghiệp BOT) là Doanh nghiệp liên doanh hoặc Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam để thực hiện Hợp đồng BOT, BTO, BT.

5. "Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng BOT, BTO, BT" (sau đây gọi là Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) là Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được Thủ tướng Chính phủ chỉ định ký kết và thực hiện Hợp đồng BOT, BTO, BT với Nhà đầu tư nước ngoài.

6. "Nhà đầu tư nước ngoài ký kết Hợp đồng BOT, BTO, BT" là tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện dự án BOT, BTO, BT (sau đây gọi là Nhà đầu tư nước ngoài) và chịu trách nhiệm toàn bộ về những cam kết của mình trong Hợp đồng BOT, BTO, BT.

7. "Nhà thầu phụ" là Nhà thầu Việt Nam hoặc Nhà thầu nước ngoài ký kết hợp đồng với Doanh nghiệp BOT để tham gia thực hiện từng phần dự án BOT, BTO, BT.

8. "Hợp đồng phụ" là Hợp đồng ký kết giữa Doanh nghiệp BOT với các Nhà thầu phụ để tham gia thực hiện từng phần dự án BOT, BTO, BT.

9. "Dự án khác" là dự án gắn liền với dự án BT, do Nhà đầu tư nước ngoài được phép thực hiện theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam để thu hồi vốn đầu tư vào công trình BT.

Điều 2.

1. Chính phủ Việt Nam khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư theo Hợp đồng BOT, BTO, BT trong lĩnh vực giao thông, sản xuất và kinh doanh điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải và các lĩnh vực khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Chính phủ Việt Nam bảo hộ quyền sở hữu đối với vốn đầu tư và các quyền lợi hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư theo Hợp đồng BOT, BTO, BT tại Việt Nam; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi và quy định thủ tục đơn giản, nhanh chóng cho việc thực hiện các dự án này.

3. Chính phủ Việt Nam dành ưu đãi cho Doanh nghiệp BOT và Nhà thầu phụ theo quy định tại Chương II của Quy chế này.

Điều 3.

1. Để thực hiện dự án BOT, BTO, BT, Nhà đầu tư nước ngoài thành lập Doanh nghiệp BOT.

2. Doanh nghiệp BOT được thành lập và hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư; chịu trách nhiệm thực hiện các quy định tại Giấy phép đầu tư, các cam kết của Nhà đầu tư nước ngoài theo Hợp đồng BOT, BTO, BT.

CHƯƠNG II

CÁC ƯU ĐÃI VÀ ĐẢM BẢO ĐẦU TƯ

Điều 4.

1. Thuế đối với Doanh nghiệp BOT được quy định như sau:

Thuế suất thuế lợi tức bằng 10% lợi nhuận thu được và được áp dụng trong suốt thời hạn thực hiện dự án.

Miễn thuế lợi tức trong 4 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo. Trong trường hợp đầu tư vào địa bàn khuyến khích đầu tư, được miễn thuế lợi tức trong 8 năm kể từ khi kinh doanh có lãi.

Thời hạn miễn, giảm thuế được tính liên tục kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi.

Thuế suất thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài bằng 5% lợi nhuận chuyển ra nước ngoài.

Ngoài các loại thuế nêu trên, Doanh nghiệp BOT phải nộp các loại thuế khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Các Nhà thầu phụ nước ngoài tham gia dự án BOT, BTO, BT nộp các loại thuế và hưởng ưu đãi về miễn, giảm thuế theo quy định hiện hành áp dụng đối với Nhà thầu nước ngoài.

Các Nhà thầu phụ Việt Nam tham gia dự án BOT, BTO, BT thực hiện các nghĩa vụ thuế theo quy định hiện hành áp dụng đối với Doanh nghiệp Việt Nam.

Điều 5.

1. Doanh nghiệp BOT và Nhà thầu phụ được miễn thuế nhập khẩu để thực hiện dự án BOT, BTO, BT đối với:

Thiết bị, máy móc nhập khẩu để tạo tài sản cố định (kể cả thiết bị, máy móc, phụ tùng sử dụng cho việc khảo sát, thiết kế, thi công, xây dựng công trình);

Phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ nhập khẩu để tạo tài sản cố định và phương tiện vận chuyển dùng để đưa đón công nhân (ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên, phương tiện thủy);

Linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng, phương tiện vận chuyển nêu trên của khoản này, kể cả trường hợp sử dụng cho việc thay thế, bảo hành, bảo dưỡng trong quá trình vận hành công trình;

Nhiên liệu, nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để thực hiện dự án BOT, BTO, BT, kể cả nhiên liệu, nguyên liệu, vật tư để phục vụ sản xuất, vận hành công trình.

2. Việc miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải và nguyên liệu, vật tư nêu tại khoản 1 của Điều này được áp dụng cho cả trường hợp mở rộng quy mô dự án, thay thế, đổi mới công nghệ.

3. Hàng hoá nhập khẩu nói tại khoản 1, 2 của Điều này không được nhượng bán tại thị trường Việt Nam. Trường hợp nhượng bán tại thị trường Việt Nam phải được Bộ Thương mại chấp thuận và phải nộp thuế nhập khẩu, thuế doanh thu hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Trong trường hợp thực hiện các Dự án khác kèm theo Hợp đồng BT, thì việc nhập khẩu và nộp thuế nhập khẩu được thực hiện theo quy định tại Điều 63 Nghị định số 12/CP ngày 18 tháng 02 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Điều 10 Nghị định số 10/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ về một số biện pháp khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam.

5. Các đối tượng sở hữu công nghiệp đang trong thời hạn bảo hộ, bí quyết kỹ thuật, quy trình công nghệ, dịch vụ kỹ thuật để thực hiện dự án được miễn các loại thuế có liên quan đến chuyển giao công nghệ.

Điều 6.

1. Việc chuyển nhượng vốn trong Doanh nghiệp BOT được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Điều 64 của Nghị định số 12/CP ngày 18 tháng 02 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Việc chuyển nhượng vốn chỉ có hiệu lực sau khi Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và Cơ quan cấp Giấy phép đầu tư chuẩn y Hợp đồng chuyển nhượng vốn.